Sign In

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Số: 309/2002/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Về việc ban hành Quy chế thanh toán điện tử liên ngân hàng

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 03 nam 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định 64/2001/NĐ-CP ngày 20/09/2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Căn cứ Quyết định số 44/2002/QĐ-TTg ngày 21/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng chứng từ điện tử làm chứng từ kế toán để hạch toán và thanh toán vốn của các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục công nghệ tin học Ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Thanh toán điện tử liên ngân hàng".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/2002/QĐ-NHNN

ngày 09/4/2002 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế Thanh toán điện tử liên ngân hàng quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Thanh toán diện tử liên ngân hàng để thực hiện việc thanh toán và quyết toán giữa các đơn vị tham gia hệ thống thanh toán này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thanh toán điện tử liên ngân hàng (viết tắt là TTLNH) là quá trình xử lý các giao dịch thanh toán liên ngân hàng kể từ khi khởi tạo Lệnh thanh toán cho tới khi hoàn tất việc thanh toán cho người thụ hưởng, được thực hiện qua mạng máy tính.

2. Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng là hệ thống tổng thể gồm: hệ thống bù trừ Liên ngân hàng, hệ thống xử lý tài khoản tiền gửi thanh toán và cổng giao diện với hệ thống chuyển tiền điện tử của Ngân hàng Nhà nước (viết tắt là CTĐT).

3. Hệ thống bù trừ liên ngân hàng là Hệ thống xử lý các thanh toán liên ngân hàng điện tử nội địa bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.

4. Tiểu hệ thống thanh toán giá trị cao là tiểu hệ thống của Hệ thống TTLNH, thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các khoản thanh toán giá trị cao và thanh toán khẩn.

5. Tiểu Hệ thống Thanh toán giá trị thấp là tiểu hệ thống của Hệ thống TTLNH, thực hiện thanh toán các khoản giá trị thấp.

6. Trung tâm thanh toán quốc gia là Trung tâm đặt tại Ngân hàng Trung ương; thực hiện các chức năng của hệ thống TTLNH: chức năng tiểu hệ thống giá trị cao, chức năng chuyển mạch tiểu hệ thống giá trị thấp, xử lý tài khoản tiền gửi thanh toán, giao diện với hệ thống CTĐT và các chức năng kiểm tra hệ thống; bao gồm phần cứng, phần mềm và truyền thông.

7. Trung tâm xử lý tỉnh là Trung tâm đặt tại Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố và Sở Giao dịch NHNN (viết tắt là SGD-NHNN); thực hiện chức năng xử lý các Lệnh thanh

toán của tiểu hệ thống giá trị thấp; chuyển mạch tiểu hệ thống giá trị cao trong phạm vi hệ thống TTLNH.

8. Trung tâm điều hành hệ thống là một bộ phận cấu thành của Trung tâm thanh toán quốc gia đảm nhiệm các chức năng quản lý và kiểm soát hệ thống TTLNH.

9. Thành viên trực tiếp (viết tắt là thành viên) là các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã đăng ký, được cấp có thẩm quyền chấp nhận tham gia hệ thống TTLNH và có tài khoản tiền gửi thanh toán tại SGD-NHNN.

10. Đơn vị thành viên trực tiếp (viết tắt là đơn vị thành viên) là một đơn vị của thành viên được kết nối trực tiếp với hệ thống TTLNH.

11. Thành viên gián tiếp: là các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được tham gia hệ thống TTLNH thông qua thành viên trực tiếp.

12 . Người phát lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân phát Lệnh thanh toán.

13. Người nhận lệnh là một tổ chức hoặc cá nhân nhận Lệnh thanh toán.

14. Đơn vị khởi tạo Lệnh thanh toán là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt cho người phát lệnh lập và xử lý một Lệnh thanh toán (Đi).

15. Đơn vị nhận Lệnh thanh toán là thành viên hoặc đơn vị thành viên thay mặt người nhận nhận và xử lý Lệnh thanh toán (Đến).

16. Lệnh thanh toán là một tin điện do đơn vị thành viên lập và sử dụng để thực hiện thanh toán trong hệ thống TTLNH. Lệnh thanh toán có thể là một khoản thanh toán ghi Có hoặc một khoản thanh toán ghi Nợ.

17. Lệnh thanh toán Có là lệnh thanh toán của người phát lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của người phát lệnh mở tại đơn vị khởi tạo một khoản tiền xác định để ghi Có cho tài khoản của người nhận mở tại đơn vị nhận lệnh về khoản tiền đó.

18. Lệnh thanh toán Nợ là Lệnh thanh toán của người phát lệnh nhằm ghi Nợ tài khoản của người nhận mở tại đơn vị nhận một khoản tiền xác định và ghi Có cho tài khoản của người phát lệnh mở tại đơn vị khởi tạo về khoản tiền đó.

19. Lệnh thanh toán giá trị cao là Lệnh thanh toán Có với số tiền bằng hoặc lớn hơn mức quy định về thanh toán giá trị cao.

20. Lệnh thanh toán giá trị thấp là Lệnh thanh toán Có với số tiền dưới mức quy định về thanh toán giá trị cao.

21. Lệnh thanh toán khẩn là Lệnh thanh toán Có giá trị thấp nhưng được khách hàng yêu cầu chuyển khẩn.

22. Tin điện là thông tin điện tử thể hiện nội dung của Lệnh thanh toán hay thông báo về việc thanh toán và được truyền qua mạng máy tính giữa các đơn vị tham gia TTLNH.

23. Xác nhận tin điện là thông tin điện tử nhằm xác nhận tình trạng của các Lệnh thanh toán trong hệ thống TTLNH.

24. Quyết toán là việc xác định và thanh toán giá trị cuối cùng giữa các thành viên liên quan để hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

25. Quyết toán tổng tức thời là việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các thành viên hoặc đơn vị thành viên trên cơ sở xử lý quyết toán tức thời từng khoản thanh toán.

26. Quyết toán kết quả bù trừ giá trị thấp (gọi tắt là quyết toán bù trừ) là việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán giữa các bên tham gia thanh toán bù trừ trực tiếp sau khi đã cân đối giữa tổng các khoản phải thu và các khoản phải trả.

27. Hạn mức nợ ròng là mức giá trị tối đa quy định cho các giao dịch thanh toán giá trị thấp được tham gia quyết toán bù trừ.

28. Mã hoá là phương thức chuyển đổi thông tin làm cho người không được phép sử dụng không thể hiểu được thông tin đó, nhằm giữ bí mật thông tin.

29. Mã khoá bảo mật là một ứng dụng kỹ thuật Tin học nhằm bảo đảm bí mật và an toàn dữ liệu điện tử trong giao dịch, kiểm soát thanh toán và lưu trữ trên mạng máy tính.

30. Người sử dụng là người vận hành chương trình TTLNH theo nhiệm vụ được phân công.

Điều 3. Các chức năng chính của hệ thống TTLNH:

1. Thực hiện thanh toán giá trị cao;

2. Thực hiện thanh toán giá trị thấp;

3. Thực hiện quyết toán, bao gồm cả quyết toán tổng tức thời và quyết toán bù trừ;

4. Xử lý giao diện với hệ thống CTĐT.

Điều 4. Chứng từ sử dụng trong TTLNH

1. Cơ sở để lập Lệnh thanh toán là các chứng từ sử dụng cho TTLNH theo chế độ hiện hành.

2. Chứng từ sử dụng trong TTLNH là Lệnh thanh toán bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử.

3. Lệnh thanh toán phải được lập theo đúng mẫu, đáp ứng các chuẩn dữ liệu và đủ số liên (nếu là chứng từ giấy) theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Các tài khoản được sử dụng trong hệ thống TTLNH

- Tài khoản tiền gửi thanh toán của các thành viên;
- Tài khoản thanh toán bù trừ;
- Tài khoản thu hộ chi hộ;
- Tài khoản thích hợp khác.

1. Đối với thành viên

a) Tại Hội sở chính sử dụng các tài khoản sau đây:

- Tài khoản thu hộ chi hộ (mở tài khoản chi tiết cho từng đơn vị thành viên của mình có tham gia hệ thống TTLNH).
- Tài khoản thanh toán bù trừ.
- Các tài khoản thích hợp khác liên quan (Tài khoản tiền gửi của khách hàng, các tài khoản nội bộ khác).

* Đối với các thành viên không có các chi nhánh thì không phải mở Tài khoản thu hộ chi hộ.

b) Tại các đơn vị thành viên sử dụng các tài khoản sau đây

- Tài khoản thu hộ chi hộ (mở tài khoản chi tiết thanh toán với Hội sở chính)
- Tài khoản thanh toán bù trừ.
- Tài khoản tiền gửi thanh toán.
- Các tài khoản thích hợp khác liên quan (tài khoản tiền gửi của khách hàng, các tài khoản nội bộ khác).